

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 91/2024/HS-ST
Ngày 23-9-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tâm;

Ông Nguyễn Văn Tình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, đối với bị cáo:

Phạm Văn H, sinh năm 1974 tại Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nơi tạm trú: ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ cưa; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị Y; có vợ Nguyễn Hồng C và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại điều tra, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Hồng C, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người làm chứng: ông Phạm Văn Đ, sinh năm 2001; nơi cư trú: khu phố T, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn H và Phạm Văn Đ có quan hệ họ hàng với nhau.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 01 tháng 01 năm 2024, H đi mua cây gỗ trầm ở khu vực cầu vượt đường H thuộc phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước thì có gặp một nam thanh niên không rõ nhân thân lai lịch cụ thể hỏi H “có mua pháo hoa nổ không”, H trả lời “không có tiền mua” thì người đó nói với H là “đưa pháo đi giao xong thì được người mua trả tiền công là 2.000.000 đồng”, hẹn H vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 03 tháng 01 năm 2024 đến gần khu vực công khu công nghiệp C thuộc phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước để nhận pháo hoa nổ, H đồng ý. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 03 tháng 01 năm 2024, H điều khiển xe mô tô biển số 69D1-013.26 đến nơi hẹn gặp người thanh niên đó đang ngồi trên xe mô tô nhưng H không nhìn thấy được biển số xe mô tô, không nhìn rõ mặt do người đàn ông bịt khẩu trang, sau đó người này đưa cho H 01 bao tải trắng, viền xanh bên trong có pháo hoa nổ không xác định được trọng lượng bao nhiêu và nói H đi đến cầu A tấn địa chỉ ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương để giao cho người mua (không xác được nhân thân, lai lịch cụ thể) thì sẽ được người mua đứng chờ lấy pháo và trả công cho H số tiền là 2.000.000 đồng. Sau khi nhận được pháo, do sợ đi một mình trên đường trời tối, đến nơi người nhận pháo không trả tiền nên H đến nơi ở của Phạm Văn Đ tại khu phố T, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước và kêu Đ đi cùng mình. Lúc này, Đ hỏi có gấp không vì chưa tắm rửa, ăn cơm. H nói gấp, sau đó Đ lên xe, H điều khiển xe mô tô biển số 69D1-013.26 chở Đ đi trên đường H ra dọc bờ kênh đến cầu 13 tấn thuộc ấp D, xã T. Lúc này H thấy lực lượng Công an xã T đang tuần tra gần đó, sợ bị phát hiện nên đã ném bao tải trắng có chứa pháo hoa nổ xuống bụi cỏ ven đường nhưng vẫn bị Công an xã T phát hiện, tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang, tạm giữ:

- 06 khối hình hộp chữ nhật có kích thước (17x17x10) cm, bên ngoài bọc giấy nhiều màu sắc, bên trong mỗi khối có 49 ống.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA số loại Sirius, biển số 69D1-013.26.

Qua điều tra: Phạm Văn H thừa nhận do cần tiền trang trải cuộc sống gia đình, vợ bị bệnh tim nên H vận chuyển 06 hộp pháo hoa nổ bị thu giữ vào tối ngày 03 tháng 01 năm 2024 nhằm mục đích nhận tiền công vận chuyển với số tiền là 2.000.000 đồng. Do sợ khi giao pháo một mình sẽ bị người nhận pháo không trả tiền công nên rủ Đ đi cùng. H không cho Đ biết mình đang đi đâu, làm gì, chỉ nói đi công việc, Đ không biết H đang vận chuyển pháo nổ đi giao. Do đó, không có căn cứ xử lý đối với Đ. Ngày 05 tháng 01 năm 2024, Cơ quan CSĐT - Công an huyện B trưng cầu Phân Viện khoa học hình sự - Bộ C1 giám định đối với 06 hộp giấy hình hộp được dán kín có nhãn hiệu ký tự nước ngoài. Đến ngày 23 tháng 02 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra nhận Kết luận giám định số: 680/KL-KTHS ngày 12 tháng 01 năm 2024 của P - Bộ C1, có kết luận như sau: 06 (sáu) khối hình hộp chữ nhật có kích thước (17x17x10) cm, bên ngoài bọc giấy nhiều màu sắc, bên trong mỗi khối có 49 ống gửi giám định là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu. Tổng khối lượng 9kg. H1 lại sau giám định 04 (bốn) khối hình hộp chữ nhật có kích thước (17x17x10) cm, bên ngoài bọc giấy nhiều màu sắc, bên trong mỗi khối có 49 ống.

Theo Kết luận định giá tài sản số 60 ngày 12 tháng 06 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu đỏ đen biển số 69D1- 013.26 trị giá 3.000.000 đồng.

Đối với đối tượng giao pháo cho bị can H, do bị cáo không cung cấp được họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, có căn cứ sẽ tiến hành xử lý sau.

Quá trình điều tra, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số 65/CT-VKSBB ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội “vận chuyển hành cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 171, điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm đến 01 (một) năm 04 (bốn) tháng.

Về xử lý vật chứng: Đối với 04 khối hộp hình chữ nhật, bên ngoài có bọc giấy nhiều màu sắc, bên trong khối hình hộp có chứa 49 ống hình trụ tròn được hoàn lại sau khi giám định xét thấy đây là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành đề, nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu đỏ đen biển số 69D1-013.26 là phương tiện phạm tội do bị cáo H đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Qua xác minh cho thấy: xe mô tô trên là tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bị can H với vợ là bà Nguyễn Hồng C, bà C không biết việc bị cáo H sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị tịch thu một nửa giá trị xe mô tô trên hoàn giá trị cho bà C.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến tranh luận.

Bị cáo H nói lời sau cùng: hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận, bị cáo mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội để lo cho con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về

thâm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại ấp D, xã T, huyện B, bị cáo H có hành vi vận chuyển 06 (sáu) khối hình hộp chữ nhật có kích thước 17cm x 17cm x 10cm, bên trong mỗi khối có 49 ống pháo nổ có khối lượng 9 kg. Đây là hàng cấm lưu hành theo quy định tại Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc quản lý, sử dụng pháo của Chính phủ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, phù hợp với nội dung Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo tội “Vận chuyển hàng cấm” là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ đối với các loại hàng hóa mà Nhà nước cấm tàng trữ, lưu thông. Bị cáo nhận thức được hành vi vận chuyển hàng cấm là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích lợi nhuận nên đã cố ý phạm tội. Như vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội, đủ để giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo như sau:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cha ruột là thương binh 4/4, bị cáo bị bệnh theo kết luận sỏi hai thận thận, vợ bị cáo bị bệnh hở van tim theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số

01/2022/NQ–HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo là đã đủ rắn đe, giáo dục bị cáo.

[6] Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 04 khối hộp hình chữ nhật, bên ngoài có bọc giấy nhiều màu sắc, bên trong khối hình hộp có chứa 49 ống hình trụ tròn được hoàn lại sau khi giám định xét thấy đây là hàng cấm lưu hành và là vật liệu nổ nên tuyên giao Ban Chỉ huy quân sự huyện B xử lý theo thẩm quyền.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu đỏ đen biển số 69D1-013.26 là phương tiện phạm tội do bị cáo H đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Qua xác minh cho thấy xe mô tô trên là tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bị cáo H với vợ là bà Nguyễn Hồng C biết việc bị cáo H sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử tuyên nộp Ngân sách nhà nước và hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị cho bà C.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 99, 292 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Nghị quyết số 02/2018/NQ–HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ–HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì

Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng:

Giao Ban Chỉ huy quân sự huyện B xử lý theo thẩm quyền đối với 04 khối hộp hình chữ nhật, bên ngoài có bọc giấy nhiều màu sắc, bên trong khối hình hộp có chứa 49 ống hình trụ tròn được hoàn lại sau khi giám định.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu đỏ đen biển số 69D1-013.26 và hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô trên cho bà Nguyễn Hồng C.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn H chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Khoa